

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ**

Số: 63/2025/DGW-ĐT

V/v: Đính chính thông tin BCTC
Hợp nhất Quý 3/2025 đã công bố

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Ngày 27/10/2025, Công ty Cổ phần Thế Giới Số đã công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 (bản tiếng Việt và bản Tiếng Anh), nay Công ty đính chính nội dung tại **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 đã công bố (Trang số 7 và 8 của Báo cáo tiếng Việt và tiếng Anh), chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Lý do đính chính:

Do sơ suất trong quá trình lập báo cáo, dẫn đến số liệu ở nội dung Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 bị sai. Các thông tin được đính chính không làm thay đổi, không ảnh hưởng đến các số liệu còn lại của Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025 đã công bố ngày 27/10/2025.

Đính kèm Công văn này là Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025 đã được đính chính thông tin.

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐẶNG KIẾN PHƯƠNG

PHỤ LỤC

Đính chính nội dung Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025 của

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất

Nội dung đã công bố:

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		340,781,974,670	260,988,210,205	477,888,016,829	380,003,157,923
2.	Điều chỉnh cho các khoản:						
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		22,597,129,124	13,080,603,441	31,250,735,593	25,802,159,600
-	Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		71,827,888,993	16,558,720,624	28,583,509,540	16,400,680,072
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29,130,034,011)	(9,463,905,195)	(47,928,645,452)	(16,246,909,317)
-	Chi phí lãi vay	06		70,971,698,086	20,704,574,753	98,396,000,548	38,649,356,951
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		477,048,656,862	301,868,203,828	588,189,617,058	444,608,445,229
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,064,251,392,593)	(482,809,092,642)	(1,896,710,888,692)	(573,068,013,332)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		118,308,190,812	25,892,685,589	431,505,510,870	83,729,267,341
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		649,903,437,593	69,837,165,135	(262,492,185,061)	(678,366,234,489)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(293,993,573)	12,859,421,905	8,692,108,987	18,765,683,841
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(67,463,235,089)	(19,535,210,694)	(94,537,744,912)	(41,853,863,404)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(42,188,488,265)	(10,721,104,598)	(88,652,955,682)	(33,603,576,671)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(928,936,824,253)	(102,607,931,477)	(1,314,006,537,432)	(779,788,291,485)



II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư								
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			3,199,445,600	(2,131,188,947)	3,073,872,505		(2,194,883,391)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-	515,797,408	-		515,797,408
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(62,585,529,666)	(38,764,415,000)	(86,358,433,333)		(81,984,128,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			56,860,733,334	37,569,445,000	65,360,733,334		72,570,576,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			(18,471,865,586)	(19,418,784,405)	(51,271,865,586)		(19,418,784,405)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			(57,454,837,165)	-	32,800,000,000		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			27,725,713,532	11,457,327,288	46,438,667,654		18,512,912,829
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			(50,726,339,951)	(10,771,818,656)	10,042,974,574		(11,998,509,559)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính								
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			19,913,000,000	-	19,913,000,000		-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-	-	-		(30,000,000)
3.	Tiền thu từ đi vay	33			7,013,612,032,242	2,663,113,403,217	10,392,177,457,231		5,686,986,695,309
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34			(6,530,227,401,084)	(2,401,159,818,996)	(9,696,520,179,270)		(5,363,903,210,022)
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(109,584,350,000)	-	(109,584,350,000)		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			393,713,281,158	261,953,584,221	605,985,927,961		323,053,485,287
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50			(585,949,883,046)	148,573,834,088	(697,977,634,897)		(468,733,315,757)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5		1,294,636,305,106	833,061,496,625	1,406,664,056,957		1,450,368,646,470
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5		708,686,422,060	981,635,330,713	708,686,422,060		981,635,330,713

Nội dung đính chính:

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		193,462,016,160	148,060,041,860	477,888,016,829	380,003,157,923
2.	Điều chỉnh cho các khoản:						
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		10,930,644,481	13,874,403,792	31,250,735,593	39,676,563,392
-	Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		17,401,184,130	(527,617,755)	28,583,509,540	15,873,062,317
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		10,813,002,233	(2,902,886,025)	(47,928,645,452)	(19,149,795,342)
-	Chi phí lãi vay	06		49,507,405,009	29,504,126,967	98,396,000,548	68,153,483,918
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282,114,252,013	188,008,068,839	588,189,617,058	484,556,472,208
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,764,986,391,106)	(217,192,453,021)	(1,896,710,888,692)	(790,260,466,353)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		497,988,409,631	49,071,291,008	431,505,510,870	132,800,558,349
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		323,536,016,955	414,939,211,158	(262,492,185,061)	(263,427,023,331)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(164,214,860)	(3,564,173,802)	8,692,108,987	15,201,510,039
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(47,592,298,810)	(29,066,163,227)	(94,537,744,912)	(70,920,026,631)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32,615,736,740)	(10,413,407,977)	(88,652,955,682)	(44,016,984,648)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(741,719,962,917)	391,782,372,978	(1,314,006,537,432)	(536,065,960,367)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		2,891,963,046	(39,712,540,703)	3,073,872,505	(41,907,424,094)

8617 THE

2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	2,356,594,268	-	2,872,391,676
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59,300,000,000)	(45,257,028,000)	(86,358,433,333)	(127,241,156,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48,860,733,334	24,513,970,000	65,360,733,334	97,084,546,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(17,420,213,524)	(5,362,501,800)	(51,271,865,586)	(24,781,286,205)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	32,800,000,000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(11,010,848,800)	12,998,915,459	46,438,667,654	31,511,828,288
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35,978,365,944)	(50,462,590,776)	10,042,974,574	(62,461,100,335)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	19,913,000,000	-	19,913,000,000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	(30,000,000)
3.	Tiền thu từ đi vay	33	3,871,898,491,293	3,245,104,288,303	10,392,177,457,231	8,932,090,983,612
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,554,556,153,390)	(3,159,049,234,495)	(9,696,520,179,270)	(8,522,952,444,517)
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(83,526,637,000)	(109,584,350,000)	(83,526,637,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	337,255,337,903	2,528,416,808	605,985,927,961	325,581,902,095
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(440,442,990,958)	343,848,199,010	(697,977,634,897)	(272,945,158,607)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,149,129,413,018	833,575,288,853	1,406,664,056,957	1,450,368,646,470
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	708,686,422,060	1,177,423,487,863	708,686,422,060	1,177,423,487,863

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 09 năm 2025



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 37

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngày 27 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8,659,009,278,666	7,773,959,379,312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		708,686,422,060	1,406,664,056,957
1. Tiền	111	5	338,859,766,817	172,694,601,477
2. Các khoản tương đương tiền	112	5	369,826,655,243	1,233,969,455,480
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,355,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,355,000,000	-
III. Các khoản phải thu	130		4,657,999,692,511	2,638,490,310,229
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	3,216,280,301,353	2,383,219,224,247
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	272,098,358,723	118,263,519,581
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	79,758,433,333	53,613,663,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1,092,982,170,916	129,179,855,090
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3,119,571,814)	(45,785,951,689)
IV. Hàng tồn kho	140	9	3,017,132,202,284	3,500,841,551,213
1. Hàng tồn kho	141		3,198,672,238,358	3,628,483,449,396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(181,540,036,074)	(127,641,898,183)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		264,835,961,811	227,963,460,913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	18,934,243,412	18,918,911,303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	244,675,122,328	206,834,915,351
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	1,226,596,071	2,209,634,259

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		557,073,237,453	726,425,153,164
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33,306,734,532	60,922,048,218
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	33,306,734,532	60,990,510,218
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(68,462,000)
II. Tài sản cố định	220		130,390,757,066	172,006,720,681
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	58,148,981,190	67,048,743,817
<i>Nguyên giá</i>	222		117,072,353,243	118,765,965,977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(58,923,372,053)	(51,717,222,160)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	72,241,775,876	104,957,976,864
<i>Nguyên giá</i>	228		89,116,661,428	123,710,983,526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(16,874,885,552)	(18,753,006,662)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		40,909,091	2,098,953,341
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40,909,091	2,098,953,341
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35,814,333,390	13,765,594,509
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14.1	13,000,572,307	11,510,594,509
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.2	40,233,974,607	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	14.2	(17,420,213,524)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2,255,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		357,520,503,374	477,631,836,415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	21,798,535,197	30,505,976,293
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27.3	100,459,316,393	95,685,664,363
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,248,006,055	9,248,006,055
4. Lợi thế thương mại	269	13	226,014,645,729	342,192,189,704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9,216,082,516,119	8,500,384,532,476

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,925,151,649,806	5,488,406,928,068
I. Nợ ngắn hạn	310		5,918,418,020,379	5,482,959,641,531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.1	1,721,045,829,175	2,302,925,773,135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15.2	323,533,568,105	159,470,620,227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	55,682,477,823	52,348,381,540
4. Phải trả người lao động	314		32,485,749,643	36,697,621,111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	320,757,043,496	325,302,628,259
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	282,676,955,417	119,635,498,500
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	3,182,236,396,720	2,486,579,118,759
II. Nợ dài hạn	330		6,733,629,427	5,447,286,537
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	6,733,629,427	2,533,629,427
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2,913,657,110
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,290,930,866,313	3,011,977,604,408
I. Vốn chủ sở hữu	410		3,290,930,866,313	3,011,977,604,408
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20.1	2,193,201,690,000	2,193,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,193,201,690,000	2,193,201,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.1	1,004,204,908,978	730,349,063,488
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		616,090,589,658	286,472,045,211
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		388,114,319,320	443,877,018,277
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		38,163,443,085	33,066,026,670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9,216,082,516,119	8,500,384,532,476

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025



Đặng Kiên Phương
Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

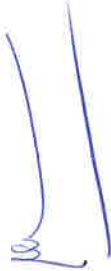
CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

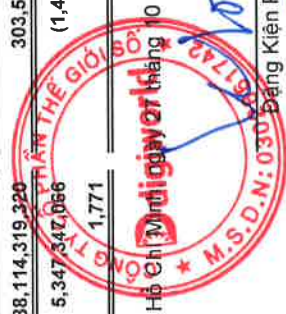
B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21.1	7,503,657,776,055	6,379,719,131,252	18,950,469,057,970	16,422,481,281,927	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21.1	(113,020,393,406)	(163,753,359,295)	(309,071,954,900)	(203,502,811,044)	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21.1	7,390,637,382,649	6,225,965,771,957	18,641,397,103,070	16,218,978,470,883	
4.	Giá vốn hàng bán	11	22	(6,740,074,211,089)	(5,623,902,702,514)	(17,022,780,298,580)	(14,771,086,121,089)	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		650,563,171,560	602,063,069,443	1,618,616,804,490	1,447,892,349,794	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.2	69,747,360,563	73,964,655,031	185,728,448,752	135,996,051,350	
7.	Chi phí tài chính	22	23	(78,000,736,507)	(26,200,858,507)	(162,176,401,042)	(96,299,440,894)	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		(49,507,405,009)	(29,504,126,967)	(98,396,000,548)	(68,153,483,918)	
8.	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		197,846,567	(220,392,235)	1,489,977,798	2,796,886,662	
9.	Chi phí bán hàng	25	24	(409,441,974,471)	(427,776,368,620)	(1,022,886,631,414)	(928,183,960,397)	
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	(55,092,365,417)	(66,551,412,455)	(166,286,239,005)	(179,297,264,803)	
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177,973,302,295	155,278,692,657	454,485,959,579	382,904,621,712	
12.	Thu nhập khác	31	25	17,556,763,653	(4,674,726,023)	30,312,218,458	6,581,833,599	
13.	Chi phí khác	32	25	(2,068,049,788)	(2,543,924,774)	(6,910,161,208)	(9,483,297,388)	
14.	Lợi nhuận khác	40	25	15,488,713,865	(7,218,650,797)	23,402,057,250	(2,901,463,789)	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		193,462,016,160	148,060,041,860	477,888,016,829	380,003,157,923	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(55,672,945,561)	(63,773,842,146)	(92,813,062,193)	(75,256,721,447)	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	30,675,376,889	36,755,849,006	8,386,711,750	(2,683,533,534)	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		168,464,447,488	121,042,048,720	393,461,666,386	302,062,902,942	
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		166,440,414,668	121,749,521,839	388,114,319,320	303,520,946,428	
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,024,032,820	(707,473,119)	5,347,347,066	(1,458,043,486)	
21.	Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		759	561	1,771	1,398	



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 năm 2025
Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc



Trần Quế Tâm
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh								
1. Lợi nhuận trước thuế								
2. Điều chỉnh cho các khoản:								
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		10,930,644,481	13,874,403,792	31,250,735,593	39,676,563,392	
-	Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		17,401,184,130	(527,617,755)	28,583,509,540	15,873,062,317	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		10,813,002,233	(2,902,886,025)	(47,928,645,452)	(19,149,795,342)	
-	Chi phí lãi vay	06		49,507,405,009	29,504,126,967	98,396,000,548	68,153,483,918	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								
trước thay đổi vốn lưu động								
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		282,114,252,013	188,008,068,839	588,189,617,058	484,556,472,208	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,764,986,391,106)	(217,192,453,021)	(1,896,710,888,692)	(790,260,466,353)	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		497,988,409,631	49,071,291,008	431,505,510,870	132,800,558,349	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		323,536,016,955	414,939,211,158	(262,492,185,061)	(263,427,023,331)	
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(164,214,860)	(3,564,173,802)	8,692,108,987	15,201,510,039	
-	Tiền thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(47,592,298,810)	(29,066,163,227)	(94,537,744,912)	(70,920,026,631)	
-				(32,615,736,740)	(10,413,407,977)	(88,652,955,682)	(44,016,984,648)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				(741,719,962,917)	391,782,372,978	(1,314,006,537,432)	(536,065,960,367)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư								
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		2,891,963,046	(39,712,540,703)	3,073,872,505	(41,907,424,094)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2,356,594,268	-	2,872,391,676	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59,300,000,000)	(45,257,028,000)	(86,358,433,333)	(127,241,156,000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48,860,733,334	24,513,970,000	65,360,733,334	97,084,546,000	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,420,213,524)	(5,362,501,800)	(51,271,865,586)	(24,781,286,205)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	32,800,000,000	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(11,010,848,800)	12,998,915,459	46,438,667,654	31,511,828,288	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				(35,978,365,944)	(50,462,590,776)	10,042,974,574	(62,461,100,335)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Thuyết minh số	QUÝ III		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		31	19,913,000,000	-	19,913,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		32	-	-	-	(30,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay		33	3,871,898,491,293	3,245,104,288,303	10,392,177,457,231	8,932,090,983,612
4. Tiền trả nợ gốc vay		34	(3,554,556,153,390)	(3,159,049,234,495)	(9,696,520,179,270)	(8,522,952,444,517)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	-	(83,526,637,000)	(109,584,350,000)	(83,526,637,000)
		40	337,255,337,903	2,528,416,808	605,985,927,961	325,581,902,095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính						
		50	(440,442,990,958)	343,848,199,010	(697,977,634,897)	(272,945,158,607)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ						
		60	1,149,129,413,018	833,575,288,853	1,406,664,056,957	1,450,368,646,470
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ						
		70	708,686,422,060	1,177,423,487,863	708,686,422,060	1,177,423,487,863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ						

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 839 (ngày 30 tháng 09 năm 2024: 884).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty con trực tiếp				
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	0
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	Đang hoạt động	90.00	90.00
(3) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") (ii)	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	Đang hoạt động	19	100
Công ty con gián tiếp				
(1) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L. ("CL")	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina. ("Bellvina")	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	76.99
(4) Công ty TNHH Một thành viên Dpharma. ("Dpharma")	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Tư vấn và mua bán giải pháp BHLĐ	Đang hoạt động	76.99	75
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam (iv)	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn, điện tử gia dụng	Đang hoạt động	90.00	90.00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Công ty con gián tiếp (tiếp theo)

(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Việt Money Holdings") (iii)	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	19	79.12
(8) Công ty Cổ phần Việt Money ("Viet Money") (iii)	Cung cấp dịch vụ cầm đồ	Đang hoạt động	19	79.12
(9) Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land. ("Viet Land") (iii)	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	19	79.12
(10) Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies. ("Viet Technologies") (iii)	Sản xuất, gia công phần mềm	Đang hoạt động	100	100

Công ty liên kết

(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	36.01	36.01
---------------------------------------	---------------------	----------------	-------	-------

(i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách Công ty thành 2 Công ty bao gồm Venture và Nexta Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NĐ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta, đồng thời đổi tên từ Công ty TNHH MTV Digiworld Venture thành Công ty TNHH Digiworld Venture.

Sau khi chia tách công ty, Nexta sở hữu 1Digital, C.L, Bellivna, Dpharma, Achison và Đại Tín. Venture sở hữu Viet Money Holdings, Viet Money, Viet Land và Viet Technologies.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NĐ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm công ty tại ngày này.

(iii) Đây là các công ty con của Venture.

(iv) Đây là công ty con của B2X.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ác khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	2 - 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

khí mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)*

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được hoàn tất việc cung cấp.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu

Vào ngày 19 tháng 06 năm 2025, Nhóm Công ty mua thêm 1.99% sở hữu vào Công ty Cổ phần Achison tăng phần sở hữu trong Công ty này từ 75% lên 76,99%.

Tổng giá phí mua thêm của các nghiệp vụ trên là 2.687.855.400 VND được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tĩa sản thuần của Achison (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày mua là 147.152.490.905VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 2.928.334.569VND. Chênh lệch giữa tổng giá mua mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm trên đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty con - Venture

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 9A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Venture cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000VND. Vào ngày 25 tháng 04 năm 2025, Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Venture và các công ty con của Venture tại ngày thoái vốn được trình bày dưới đây:

	VND
Tài sản	198,217,631,879
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,454,330,861
Các khoản phải thu	62,634,656,790
Hàng tồn kho	1,694,299,832
Tài sản ngắn hạn khác	6,217,499,213
Các khoản phải thu dài hạn	2,152,848,700
Tài sản cố định	26,805,810,762
Tài sản dở dang dài hạn	2,058,044,250
Chi phí trả trước dài hạn	945,304,306
Lợi thế thương mại	90,254,837,165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

4.2 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty con – Venture (tiếp theo)

	VND
Nợ phải trả	75,917,802,817
Phải trả người bán ngắn hạn	3,458,149,070
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	639,070,540
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	256,579,866
Phải trả người lao động	1,015,159,616
Chi phí phải trả ngắn hạn	545,569,119
Phải trả ngắn hạn khác	1,116,707,939
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	68,886,566,667
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày thoái vốn	122,299,829,062
Phần sở hữu của tập đoàn trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con	97,258,665,670
Giá chuyển nhượng	90,000,000,000
Lỗ thoái vốn công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	(7,258,665,670)
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc thoái vốn tại Công ty con	
Tiền thu về từ thoái vốn công ty con	-
Số dư tiền của công ty con tại ngày thoái vốn	<u>2,332,624,623</u>
Khoản tiền thuần thu vào từ thoái vốn công ty con được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	(2,332,624,623)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Tiền mặt	411,723,204	1,086,301,185
Tiền gửi ngân hàng	338,448,043,613	171,608,300,292
Các khoản tương đương tiền (*)	369,826,655,243	1,233,969,455,480
TỔNG CỘNG	708,686,422,060	1,406,664,056,957

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 bao gồm:

- Các khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 2.594.689.216 VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và

- Các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 367.231.966.027 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,1%/ năm đến 6,1%/ năm. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư này đã được mua lại bởi các công ty chứng khoán.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Kỳ này	Kỳ trước
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
Cần trừ theo thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	90,000,000,000	-

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN.**6.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	770,056,437,621	512,240,702,670
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & CN	283,476,368,160	54,729,075,199
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	143,003,072,061	66,817,044,632
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ xây dựng Kỹ thuật	237,723,828,549	62,244,081,242
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp HTV	156,853,929,746	86,610,583,031
Công ty CP Dịch vụ TM Tổng hợp Wincommerce	19,542,073,901	42,281,329,958
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,605,624,591,315	1,558,296,407,515
TỔNG CỘNG	3,216,280,301,353	2,383,219,224,247
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3,119,571,814)	(12,367,360,067)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,213,160,729,539	2,370,851,864,180
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu bên khác	3,201,325,689,962	2,356,924,384,664
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 28)	14,954,611,391	26,294,839,583

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam.	11,818,709,132	-
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	22,990,761,298	7,999,686,608
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	52,157,284,323	45,605,023,322
Acer Incorporated	-	15,278,457,277
Asus Global Pte.Ltd	138,431,223,520	-
Khác	46,700,380,450	49,380,352,374
TỔNG CỘNG	272,098,358,723	118,263,519,581

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Phải thu bên khác	79,758,433,333	53,613,663,000

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối kỳ	Ngày đến hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	79,758,433,333	Từ 05.07.2025 đến 30.06.2026	Từ 10% đến 12%

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 9A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 04 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	-	32,874,099,492
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	14,934,725,223	
Tạm ứng cho nhân viên	5,821,324,167	4,920,981,461
Đặt cọc, ký quỹ	11,093,263,929	23,192,112,052
Khác	1,061,132,857,597	68,192,662,085
TỔNG CỘNG	1,092,982,170,916	129,179,855,090
Dự phòng phải thu khác	-	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	1,092,982,170,916	96,305,755,598
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	33,306,734,532	60,990,510,218

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Hàng hóa	3,169,041,986,941	2,780,021,618,579
Hàng mua đang đi đường	3,096,416,202	793,840,490,784
Hàng gửi đi bán	18,040,538,825	9,155,627,707
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,493,296,390	45,465,712,326
TỔNG CỘNG	3,198,672,238,358	3,628,483,449,396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(181,540,036,074)	(127,641,898,183)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,017,132,202,284	3,500,841,551,213

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Số đầu kỳ	127,641,898,183	126,478,296,819
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	113,864,806,609	70,493,151,597
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(59,966,668,718)	(54,224,524,073)
Số cuối kỳ	181,540,036,074	142,746,924,343

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	18,667,743,643	18,826,004,809
Công cụ, dụng cụ	266,499,769	92,906,494
	18,934,243,412	18,918,911,303
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	5,207,590,371	9,324,970,500
Khác	16,590,944,826	21,181,005,793
	21,798,535,197	30,505,976,293

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	64,785,359,504	58,925,624,022	123,710,983,526
Thoái vốn Venture	(33,050,874,256)	-	(33,050,874,256)
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	(1,543,447,842)	(1,543,447,842)
Số cuối kỳ	31,734,485,248	57,382,176,180	89,116,661,428
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(18,753,006,662)	-	(18,753,006,662)
Khấu hao trong kỳ	(3,928,872,417)	-	(3,928,872,417)
Thoái vốn Venture	5,806,993,527	-	5,806,993,527
Số cuối kỳ	(16,874,885,552)	-	(16,874,885,552)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	46,032,352,842	58,925,624,022	104,957,976,864
Số cuối kỳ	14,859,599,696	57,382,176,180	72,241,775,876

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI						VND
Nguyên giá						Tổng cộng
	C.L	Achison	Viet Money Holdings	B2X		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	5,752,799,715	274,466,587,343	106,182,161,370	30,022,649,952		416,424,198,380
Giảm do thanh lý công ty mua con	-	-	(106,182,161,370)	-		(106,182,161,370)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	5,752,799,715	274,466,587,343	-	30,022,649,952		310,242,037,010
Giá trị phân bổ lũy kế						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(4,314,599,790)	(54,893,317,468)	(13,272,770,171)	(1,751,321,247)		(74,232,008,676)
Phân bổ trong kỳ	(431,459,979)	(20,584,994,051)	(2,654,554,034)	(2,251,698,746)		(25,922,706,810)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	15,927,324,205	-		15,927,324,205
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	(4,746,059,769)	(75,478,311,519)	-	(4,003,019,993)		(84,227,391,281)
Giá trị còn lại						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1,438,199,925	219,573,269,875	92,909,391,199	28,271,328,705		342,192,189,704
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	1,006,739,946	198,988,275,824	-	26,019,629,959		226,014,645,729

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

B09-DN/HN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty có các công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động kinh doanh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Phân phối dược phẩm	13,000,572,307	36.01	11,510,594,509	36.01

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị trường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Giá gốc khoản đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 30 tháng 09 năm 2025	9,879,000,000
---	---------------

Phần lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1,631,594,509
Phần lãi phát sinh trong kỳ	1,489,977,798
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	3,121,572,307

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,510,594,509
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	13,000,572,307

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

B09-DN/HN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083	19	-	-	-	-

(i) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Venture là Công ty con 100% của Công ty. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công thành 2 Công ty con bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture cho nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Venture giảm xuống còn 19%.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị thị trường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	91,450,097,897	20,690,802,574
Asus Global Pte. Ltd.	241,650,458,017	265,516,588,699
Xiaomi H.K Limited	76,012,213,247	800,527,864,819
Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	345,099,381,703	31,537,467,380
Công ty TNHH Apple Việt Nam	668,908,310,789	734,220,109,000
Công ty TNHH Công nghệ HP	13,985,391,316	26,378,550,000
Saifen Drugs Philippines Inc	12,259,701,000	-
Nhà cung cấp khác	271,680,275,206	424,054,390,663
TỔNG CỘNG	1,721,045,829,175	2,302,925,773,135

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
XIAOMI H.K LIMITED	76,765,724,235	86,067,701,194
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM SƠN HÀ	18,121,800,000	-
AMD INTERNATIONAL SALES & SERVICE, LTD.	12,739,377,767	11,799,703,892
WHIRLPOOL SOUTHEAST ASIA PTE	1,304,671,538	1,304,671,538
Khác	214,601,994,565	60,298,543,603
TỔNG CỘNG	323,533,568,105	159,470,620,227

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Chiết khấu thương mại	106,328,576,057	146,441,609,122
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	207,395,319,423	154,228,705,617
Chi phí lãi vay	5,840,456,063	1,982,200,427
Khác	1,192,691,953	22,650,113,093
TỔNG CỘNG	320,757,043,496	325,302,628,259

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	4,185,236,155	19,942,330,119
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,271,181,171	3,337,701,276
Nhận ký quỹ, ký cược	4,918,222,494	93,125,846,108
Phải trả khác	270,302,315,597	3,229,620,997
TỔNG CỘNG	282,676,955,417	119,635,498,500
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	6,733,629,427	2,533,629,427
TỔNG CỘNG	6,733,629,427	2,533,629,427

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC					VND
Phải thu	Ngày 31 tháng 12	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
	năm 2024				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224,843,613	7,334,573	-	-	232,178,186
Thuế giá trị gia tăng	206,834,915,351	2,547,741,895,026	(2,505,348,820,784)	(4,552,867,265)	244,675,122,328
Thuế xuất, nhập khẩu	690,203,805	31,199,107,767	(31,118,503,393)	-	770,808,179
Thuế khác	1,294,586,841	641,150,864	(281,910,772)	(1,430,217,227)	223,609,706
TỔNG CỘNG	209,044,549,610	2,579,589,488,230	(2,536,749,234,949)	(5,983,084,492)	245,901,718,399
Phải trả	Ngày 31 tháng 12	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Ngày 30 tháng 09 năm 2025
	năm 2024				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49,954,171,830	92,813,062,193	(88,652,955,682)	-	54,114,278,341
Thuế thu nhập cá nhân	1,282,980,530	10,102,883,891	(10,545,080,190)	(113,945,420)	726,838,811
Thuế GTGT phải nộp	800,738,093	2,519,701,142,878	(2,519,830,599,166)	-	671,281,805
Thuế xuất nhập khẩu	-	29,335,731,745	(29,335,731,745)	-	-
Thuế khác	310,491,087	2,034,239,153	(2,032,016,928)	(142,634,446)	170,078,866
TỔNG CỘNG	52,348,381,540	2,653,987,059,860	(2,650,396,383,711)	(256,579,866)	55,682,477,823

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

B09-DN/HN

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	2,486,579,118,759	10,392,177,457,231	(9,696,520,179,270)	3,182,236,396,720
	2,486,579,118,759	10,392,177,457,231	(9,696,520,179,270)	3,182,236,396,720

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VNĐ	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	855,696,861,426	Ngày 02/11/2025 đến 28/12/2025	Từ 4.2% đến 4.4%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	493,284,451,794	Ngày 04/11/2025 đến 08/12/2025	Từ 4.3% đến 4.75%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	412,484,137,824	Ngày 16/10/2025 đến 21/11/2025	Từ 4.2% đến 5.0%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	313,310,602,665	Ngày 10/10/2025 đến 18/11/2025	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
7 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	1,107,460,343,011	Ngày 23/11/2025 đến 08/01/2026	Từ 4.2% đến 4.3%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	3,182,236,396,720			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	VND
							Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(30,000,000)	-	-	-	(30,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(197,000,000)	-	197,000,000	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(83,526,637,000)	-	(83,526,637,000)
Phát hành cổ phiếu thường	501,154,260,000	-	-	-	(501,154,260,000)	-	-
Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(249,012,219)	-	(249,012,219)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	303,520,946,428	(1,458,043,486)	302,062,902,942
Thay đổi từ tăng sở hữu công ty con	-	-	-	-	(3,283,586,633)	(1,455,208,909)	(4,738,795,542)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2024	2,173,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	582,500,318,505	29,558,076,596	2,840,620,909,351
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	730,349,063,488	33,066,026,670	3,011,977,604,408
Điều chỉnh kỳ trước	-	-	-	-	(4,884,641,347)	4,905,806,227	21,164,880
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(109,584,350,000)	-	(109,584,350,000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	388,114,319,320	5,347,347,066	393,461,666,386
Thay đổi lệ sở hữu	-	-	-	-	210,517,517	(5,155,736,878)	(4,945,219,361)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,004,204,908,978	38,163,443,085	3,290,930,866,313

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025 ("Nghị quyết 02"), Hội đồng Quản Trị đã thông qua Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 05 năm 2025 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu được nhận 500VND) với tổng số tiền là 109.584.350.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	219,320,169	219,320,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219,320,169	219,320,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219,320,169</i>	<i>219,320,169</i>
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(151,469)</i>	<i>(151,469)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	219,168,700	219,168,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219,168,700</i>	<i>219,168,700</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

21. DOANH THU**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	18,950,469,057,970	16,422,481,281,927
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	18,401,930,044,684	16,025,679,592,656
Doanh thu cung cấp dịch vụ	548,539,013,286	396,801,689,271
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại</i>	<i>(309,071,954,900)</i>	<i>(203,502,811,044)</i>
DOANH THU THUẦN	18,641,397,103,070	16,218,978,470,883
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	18,394,064,639,184	16,037,983,260,305
Doanh thu đối với các bên liên quan	247,332,463,886	180,995,210,578

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	4,033,083,780	2,075,994,207
Lãi chênh lệch tỷ giá	54,740,518,620	65,151,434,677
Chiết khấu thanh toán được hưởng	55,068,781,285	39,332,788,385
Lãi trái phiếu	37,882,279,467	25,930,947,268
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	29,480,481,193	3,173,740,400
Khác	4,523,304,407	331,146,413
TỔNG CỘNG	185,728,448,752	135,996,051,350

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16,631,674,698,766	14,513,432,238,289
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	391,105,599,814	257,653,882,800
TỔNG CỘNG	17,022,780,298,580	14,771,086,121,089

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí lãi vay	98,396,000,548	68,153,483,918
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	41,389,709,083	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,877,222,399	14,882,510,925
Lỗ do thanh lý công ty con	2,875,034,635	-
Khác	5,638,434,377	13,263,446,051
TỔNG CỘNG	162,176,401,042	96,299,440,894

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng	1,022,886,631,414	928,183,960,397
Chi phí nhân viên	64,488,320,280	70,126,103,385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71,818,784,317	38,683,802,526
Chi phí vận chuyển	33,278,427,472	29,806,473,359
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	840,735,819,764	711,390,711,963
Chi phí khác	12,565,279,581	78,176,869,164

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp	166,286,239,005	179,297,264,803
Chi phí nhân viên	75,273,525,719	81,152,598,306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58,746,142,975	73,302,474,527
Chi phí khác	32,266,570,311	24,842,191,970
TỔNG CỘNG	1,189,172,870,419	1,107,481,225,200

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	30,312,218,458	6,581,833,599
Thu nhập khác	30,312,218,458	6,581,833,599
Chi phí khác	6,910,161,208	9,483,297,388
Các khoản chi phí khác	6,910,161,208	9,483,297,388
LỢI NHUẬN THUẦN	23,402,057,250	(2,901,463,789)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ	17,022,780,298,580	14,771,086,121,089
Chi phí nhân công	139,761,845,999	151,278,701,691
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao g	31,250,735,593	39,676,563,392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163,843,354,764	99,861,994,485
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	840,735,819,764	711,390,711,963
Chi phí khác	13,581,114,299	105,273,253,669
	18,211,953,168,999	15,878,567,346,289

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	92,813,062,193	75,256,721,447
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(8,386,711,750)	2,683,533,534
TỔNG CỘNG	84,426,350,443	77,940,254,981

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	477,888,016,829	380,003,157,923
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	95,577,603,366.00	76,000,631,585
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
<i>Khác</i>	(14,770,145,632)	577,219,077
<i>Lỗi/lãi tính thuế từ công ty con,</i>	8,318,951,364	6,340,161,525
<i>Lỗi/lãi tính thuế từ công ty liên kết</i>	(297,995,560)	(39,662,944)
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	(4,653,630,555)	(5,996,174,226)
<i>Dự phòng đầu tư tái chính vào công ty con</i>	(877,226,878)	-
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	1,128,794,338	1,058,079,964
Chi phí thuế TNDN	84,426,350,443	77,940,254,981

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Nhóm Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong kỳ hiện tại và các kỳ trước:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí phải trả	63,964,204,057	67,264,027,616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36,495,112,336	25,507,979,637
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	2,913,657,110
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100,459,316,393	95,685,664,363

	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí phải trả	(2,580,020,928)	(5,836,965,912)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10,966,732,678	3,153,432,378
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8,386,711,750	(2,683,533,534)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc đồng Quản trị như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Ông Đoàn Hồng Việt	139,481,000	135,411,639
Bà Đặng Kiện Phương	142,010,000	137,805,228
Bà Tô Hồng Trang	133,658,000	129,227,000
Ông Shekhar Himanshu	-	1,133,787,004
Ông Nguyễn Duy Tùng	90,000,000	90,000,000
Ông Trần Bảo Minh	90,000,000	90,000,000
TỔNG CỘNG	595,149,000	1,716,230,871

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/Trưởng ban Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa	85,147,105,628	61,752,022,674
	Cung cấp dịch vụ	1,217,925,020	564,193,510
Bà Tô Tiểu Yến	Thuê nhà	120,000,000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa, dịch vụ	<u>14,954,611,391</u>	<u>26,294,839,583</u>
Người mua trả trước ngắn hạn			
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Ứng trước tiền hàng	<u>493,082,072</u>	<u>-</u>
Phải thu về cho vay			
Công ty cổ phần Việt Money	Cho vay	<u>79,758,433,333</u>	<u>66,860,733,334</u>

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	388,114,319,320	303,520,946,428
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân dùng để tính lãi trên cổ phiếu	219,168,700	217,143,646
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1,771	1,398

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	66,255,497,692	73,652,736,856
Từ 1 đến 5 năm	97,098,183,576	144,749,834,969
Trên 5 năm	654,430,739	3,599,369,062
TỔNG CỘNG	164,008,112,007	222,001,940,886

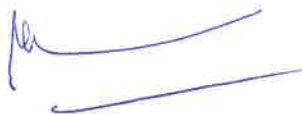
31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

